

SỞ Y TẾ QUẢNG NAM
BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC
MIỀN NÚI PHÍA BẮC QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 129 /TB-BV

Đại Lộc, ngày 10 tháng 03 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc mời chào giá các mặt hàng thiết bị y tế
sử dụng trong nội soi khớp gối, khớp vai năm 2025-2026
tại Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam

Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam có nhu cầu tiếp nhận báo giá mua sắm các mặt hàng thiết bị y tế sử dụng trong nội soi khớp gối, khớp vai năm 2025-2026 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam.

- Địa chỉ nhận báo giá: Phòng văn thư của Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam, số 107 Quang Trung, thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

+ Bà Hoàng Thị Lệ Năm; Số điện thoại 0988259713.

2. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Các công ty tham gia báo giá, gửi báo giá trực tiếp **Phòng văn thư** hay gửi qua **bưu điện** đến địa chỉ nhận báo giá (Phòng văn thư của Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam, số 107 Quang Trung, thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam)

3. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

Từ ngày đăng tải Thông báo chào giá lên cổng thông tin điện tử của đơn vị đến trước 17h ngày 22/03/2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

4. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày kể từ ngày Bệnh viện kết thúc nhận thư mời chào giá (22/03/2025).

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục các mặt hàng thiết bị y tế sử dụng trong nội soi khớp gối, khớp vai năm 2025-2026. Chi tiết Bảng mô tả đính kèm Phụ lục 1.

2. Địa điểm cung cấp, các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, bảo quản như sau:

- Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam. Địa chỉ 107 Quang Trung, thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.



- Hàng hóa được giao mới 100%, chưa qua sử dụng, được bảo quản và đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

3. Thời gian giao hàng dự kiến:

Giao hàng thành nhiều đợt, theo nhu cầu của đơn vị, thời gian cung ứng chậm nhất là 48 giờ sau khi nhận được dự trù của bên mua và đợt xuất trong 24 giờ

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

Thanh toán 100% sau khi nghiệm thu, bàn giao hàng hóa và đúng theo thời gian đã ký trong hợp đồng kinh tế

5. Hồ sơ báo giá bao gồm:

a. Báo giá theo mẫu Phụ lục 2 và Phụ lục 3 đính kèm thông báo này. Các công ty có thể tham gia chào giá 1 hay nhiều bộ/lô (nội soi khớp gối, khớp vai) trong danh mục theo Phụ lục 1 (Phụ lục 1 chia làm 14 bộ/lô)

b. Các hãng sản xuất, nhà cung cấp phải đính kèm tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế báo giá (Các nội dung này được gửi cùng với bản báo giá về địa chỉ của Bệnh viện quy định tại khoản 2 Mục I – Thông báo chào giá).

c. Báo giá đựng trong một túi hồ sơ được niêm phong cẩn thận, bao gồm:
+ 01 bản gốc báo giá, các tài liệu kèm theo để chứng minh tính năng thông số kỹ thuật, 1 USB

Ghi chú: Phía ngoài bì hồ sơ chào giá ghi rõ:

“Thư chào giá cung cấp các mặt hàng thiết bị y tế sử dụng trong nội soi khớp gối, khớp vai năm 2025-2026 tại Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam”

Trong quá trình tham gia báo giá, mọi thắc mắc về các nội dung yêu cầu từ phía Bệnh viện, các công ty có thể liên hệ qua 2 thành viên trong Hội đồng xây dựng để nắm rõ các thông tin:

- Ds. CK1: Võ Văn Tiên - Khoa Dược Bệnh viện

+ Số điện thoại: 0905275001

- Ds. CK1: Dương Thị Tường Vy - Khoa Dược Bệnh viện

+ Số điện thoại: 0987780802

Rất mong nhận được sự quan tâm của các đơn vị tham gia báo giá. / 1/15

Nơi nhận:

- Các đơn vị tham gia báo giá;
- Website của Bệnh viện (đăng tải);
- Lưu: VT, KD, TCKT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thông Nhất

BẢNG MÔ TẢ CHI TIẾT DANH MỤC CÁC MẶT HÀNG THIẾT BỊ Y TẾ SỬ DỤNG TRONG PHẪU THUẬT NỘI SOI KHỚP GỐI, KHỚP VAI NĂM 2025-2026 TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC QUẢNG NAM
(Ban hành kèm theo Thông báo số 129 /TB-BV ngày 10 tháng 03 năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam)

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (Cơ bản)	Đơn vị tính	Số lượng /khối lượng sử dụng 18 tháng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1	Bộ nội soi khớp gối chéo trước hoặc chéo sau (All inside)	Có trợ cụ hỗ trợ trong quá trình phẫu thuật	Bộ	50	
1.1	Dây dẫn nước	- Dây dẫn nước sử dụng trong nội soi khớp - Chất liệu nhựa PVC - Tiêu chuẩn: FDA.	Cái	50	
1.2	Lưỡi bảo	- Sử dụng cắt bỏ mô mềm, gốc dây chằng, màng hoạt dịch, sụn chêm. - Kích thước: đường kính $\geq 3.5\text{mm}$ - Tiêu chuẩn: FDA	Cái	50	
1.3	Đầu đốt	- Lưỡi cắt đốt bằng sóng Radio - Đầu đốt có góc cong - Chiều dài làm việc $\leq 13\text{cm}$ - Tiêu chuẩn: FDA	Cái	50	

1.4	Vít neo điều chỉnh độ dài	- Vít treo gồm 2 thành phần: + Thanh treo: Vật liệu bằng Titanium. + Kích thước: Chiều rộng $\geq 3\text{mm}$, chiều dài $\geq 11\text{mm}$. + Vòng treo mảnh ghép gân - Có dây kéo đảo ngược cho phép kéo dài lại vòng treo mảnh ghép gân - Tiêu chuẩn: FDA	Cải	50	
1.5	Vít neo	Vít treo gồm 2 thành phần: - Thanh treo: Vật liệu Titanium, kích thước rộng $\geq 14\text{mm}$ - Vòng treo mảnh ghép gân: Vật liệu bằng chỉ siêu bền - Tiêu chuẩn: FDA	Cải	50	
1.6	Mũi khoan	- Kích thước: + Chiều dài trục: $\geq 23\text{cm}$ + Đường kính: $\geq 3.5\text{ mm}$ - Tiêu chuẩn: FDA	Cải	50	
1.7	Chỉ siêu bền	- Chỉ siêu bền, không tiêu, chất liệu UHMW - Polyethylene. - Độ dài chỉ: $> 100\text{cm}$ - Tiêu chuẩn: FDA	Cải	50	
2	Bộ nội soi khớp gối chéo trước hoặc chéo sau (All inside)	Có trợ cụ hỗ trợ trong quá trình phẫu thuật	Bộ	70	
2.1	Dây dẫn nước	- Chất liệu: nhựa - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: CE/MDR, FDA, 1 CFS Châu Âu	Cải	70	

2.2	Lưới bảo	- Chất liệu thép không gỉ. - Đường kính $\geq 2.0\text{mm}$ - Đạt tiêu chuẩn: CE/MDR, FDA, 1 CFS Châu Âu	Cải	70	
2.3	Đầu đốt	- Đầu đốt dùng công nghệ cắt ở nhiệt độ thấp. - Chiều dài làm việc: $\geq 13\text{cm}$ - Đạt tiêu chuẩn: CE/MDR, FDA, 1 CFS Châu Âu	Cải	70	
2.4	Vít điều chỉnh độ dài	- Kích thước: dài $\geq 12\text{mm}$, rộng $\geq 4\text{mm}$, dày 2mm - Chất liệu chốt: Titanium - Chất liệu vòng treo: UHMWPE - Đường kính chi vòng : $\geq 1.5\text{ mm}$ - Sức căng tối đa $>1500\text{N}$ - Đạt tiêu chuẩn chất lượng : CE/MDR, FDA, 1 CFS Châu Âu	Cải	70	
2.5	Vít neo	- Chiều dài chốt $\leq 12\text{mm}$, chiều rộng chốt $\leq 4\text{mm}$, dày $\leq 2\text{mm}$. - Chất liệu: titanium - Vòng treo gắn được tạo bởi vật liệu Polyester - Chất liệu chi kéo: UHMWPE và polyester - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: CE/MDR, FDA, 1 CFS Châu Âu	Cải	70	
2.6	Mũi khoan	- Một hộp bao gồm mũi khoan ngược, mũi khoan dẫn đường và cây rút chỉ. - Đường kính: $\geq 5.5\text{mm}$ - Đạt tiêu chuẩn chất lượng : CE/MDR, FDA, 1 CFS Châu Âu	Cải	70	
2.7	Chi Siêu bền	- Chỉ không tiêu kèm kim - Chất liệu: UHMW và polypropylene. - Sức căng $\geq 200\text{N}$ - Đạt tiêu chuẩn: CE/MDR, FDA, 1 CFS Châu Âu	Cải	70	

3	Bộ nội soi khớp gối chéo trước hoặc chéo sau (All side)	Có trợ cụ hỗ trợ trong quá trình phẫu thuật	Bộ	70	
3.1	Dây dẫn nước	- Dây dẫn nước dùng một lần dùng cho máy bơm nước - Chất liệu: PVC	Cái	70	
3.2	Lưới bảo	- Lưới bảo khớp: có tiết trùng - Thiết kế cửa sổ lớn - Đường kính $\leq 4.0\text{mm}$	Cái	70	
3.3	Đầu đốt	- Đầu đốt phẫu thuật plasma - Đường kính $\geq 3.8\text{mm}$, - Chiều dài: $\geq 135\text{mm}$, có góc nghiêng - Đầu đốt có chức năng hút dịch.	Cái	70	
3.4	Vít điều chỉnh độ dài	- Chất liệu: hợp kim titan có lỗ + Chiều cao $\geq 1.5\text{mm}$, dài $\leq 12\text{mm}$, rộng $\geq 4\text{mm}$, kèm chỉ - Vòng chỉ chất liệu cao phân tử UHMWPE - Chỉ kéo: Chất liệu HS Fiber hoặc UHMWPE + Khả năng chịu tải kéo cao: $\geq 1500\text{ N}$, có thể điều chỉnh từ 15mm đến $\leq 60\text{mm}$. - Xuất xứ: Tại các nước G7 hay các nước Châu Âu - Tiêu chuẩn: FDA	Cái	140	
3.5	Mũi khoan	- Mũi khoan ngược có thể lật để khoan ngược lại - Đường kính: từ 5mm đến $\leq 13\text{mm}$ - Chiều dài trục: $\geq 270\text{mm}$	Cái	70	

HẸN
 10A
 MIỀN
 BẮC
 10 NAM

3.6	Chi Siêu bền	- Chi được làm từ vật liệu cao phân tử (UHMWPE). - Chi có 2 kim ở hai đầu - Chiều dài chi $\geq 900\text{mm}$. - Xuất xứ: Tại các nước G7 hay các nước Châu Âu	Cải	70	
4	Bộ nội soi khớp gối chéo trước hoặc chéo sau (All Side)	Có trợ cụ hỗ trợ trong quá trình phẫu thuật	Bộ	25	
4.1	Dây dẫn nước	- Chất liệu: nhựa PVC - Đóng gói tiết trùng - Tiêu chuẩn CE	Cải	25	
4.2	Lưỡi bảo	- Chất liệu : Thép không rỉ - Đường kính: $\geq 4.5\text{ mm}$ - Tiêu chuẩn CE	Cải	25	
4.3	Đầu đốt	- Chất liệu: nhựa - Đầu đốt sóng Radio - Kích cỡ: Có nhiều cỡ gấp góc - Tiêu chuẩn CE	Cải	25	
4.4	Vít neo điều chỉnh độ dài	- Chất liệu: titanium - Kích thước: dày $\geq 1\text{mm}$, rộng $\geq 3\text{mm}$, dài $\geq 10\text{mm}$. - Lực kéo $\geq 1800\text{ Newton}$. - Tiêu chuẩn CE	Cải	50	

4.5	Vít treo gân có thể tự điều chỉnh độ dài lõi cầu	- Chất liệu: titanium - Thiết kế có lỗ, vòng treo chất liệu UHMWPE - Lực kéo ≥ 1800 Newton - Tiêu chuẩn CE	Cải	25	
4.6	Vít neo tăng cường	- Chất liệu: Nẹp bằng titanium - Kích cỡ: lỗ có vòng treo tăng cường các nút neo bất kỳ - Tiêu chuẩn CE	Cải	25	
4.7	Vít cố định dây chằng	- Chất liệu: hợp kim titanium - Kích thước: $\geq 8\text{mm}$ - Tiêu chuẩn CE	Cải	25	
4.8	Lưới bảo xương ngược chiều /mũi khoan ngược	- Chất liệu: thép không gỉ - Đường kính mũi khoan: $\geq 3\text{mm}$ - Tiêu chuẩn CE	Cải	25	
4.9	Vít khâu sụn chêm	- Chất liệu: Thép không gỉ - Sử dụng kỹ thuật All-Inside. - Tiêu chuẩn CE	Cải	25	
4.10	Chi siêu bền	- Chất liệu: Polyethylene - Lực kéo ≥ 500 N/mm² - Tiêu chuẩn CE	Cải	25	
5	Bộ nội soi khớp gối chéo trước hoặc chéo sau (All side)	Có trợ cụ hỗ trợ trong quá trình phẫu thuật	Bộ	7	
5.1	Dây dẫn nước	- Chất liệu nhựa PVC - Được khử trùng - Tiêu chuẩn chất lượng: CE	Cải	7	

6	Bộ nội soi khớp gối chéo trước và chéo sau	Có trợ cụ hỗ trợ trong quá trình phẫu thuật	Bộ	20	
6.1	Dây dẫn nước	- Chất liệu: nhựa - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: CE/MDR, FDA, 1 CFS Châu Âu	Cải	20	
6.2	Lưới bảo	- Chất liệu thép không gỉ. - Đường kính $\geq 2.0\text{mm}$ - Đạt tiêu chuẩn: CE/MDR, FDA, 1 CFS Châu Âu	Cải	20	
6.3	Đầu đốt	- Đầu đốt dùng công nghệ cắt ở nhiệt độ thấp. - Chiều dài làm việc: $\geq 13\text{cm}$ * Đạt tiêu chuẩn: CE/MDR, FDA, 1 CFS Châu Âu	Cải	20	
6.4	Vít cố định	- Có vít ren ngược - Đường kính: $\geq 6\text{ mm}$. - Chiều dài: $\geq 20\text{mm}$. - Chất liệu: sinh học tự tiêu :poly-L-lactic acid PLLA kết hợp với Hydroxyapatite (HA) - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: CE/MDR, FDA, 1 CFS Châu Âu	Cải	40	

6.5	Vít neo	- Chiều dài chốt $\leq 12\text{mm}$, chiều rộng chốt $\leq 4\text{mm}$, dày $\leq 2\text{mm}$. - Chất liệu: titanium - Vòng treo gân được tạo bởi vật liệu Polyester - Chất liệu chỉ kéo: UHMWPE và polyester - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: CE/MDR, FDA, 1 CFS Châu Âu	Cải	40	
7	Bộ nội soi khớp gối chéo trước và chéo sau	Có trợ cụ hỗ trợ trong quá trình phẫu thuật	Bộ	5	
7.1	Dây dẫn nước	- Chất liệu nhựa PVC - Được khử trùng - Tiêu chuẩn chất lượng: CE	Cải	5	
7.2	Lưỡi bảo	- Thiết kế rỗng lòng để hút được các mô vụn đẩy ra ngoài - Chiều dài: $\geq 130\text{mm}$, - Đường kính: $\geq 3\text{mm}$ - Tiêu chuẩn chất lượng: CE	Cải	5	
7.3	Đầu đốt	- Đầu đốt lưỡng cực sử dụng sóng Radio - Có các loại đầu đốt cong - Chiều dài $\leq 150\text{mm}$. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE	Cải	5	
7.4	Vít cổ định	- Loại tự tiêu sinh học tự tiêu - Đường kính $\geq 6\text{ mm}$ - Chiều dài $\geq 20\text{mm}$. - Tiêu chuẩn CE	Cải	10	
7.5	Vít neo	- Vít chốt neo cổ định dây chằng chéo, bao gồm: 1 nút titan, 1 vòng treo gân, kèm 2 sợi chỉ kéo được gắn sẵn, nút có lỗ, bo tròn 2 đầu, rộng $\geq 4.0\text{mm}$, dài $\geq 12\text{mm}$, độ dày $\geq 1.5\text{mm}$ dây treo $\geq 15\text{mm}$. - Sản phẩm được đóng gói tiết trùng - Tiêu chuẩn chất lượng: CE	Cải	10	

8	Bộ nội soi khớp vai trách chớp xoay	Có trợ cụ hỗ trợ trong quá trình phẫu thuật	Bộ	5	
8.1	Đầu đốt	- Lưỡi cắt đốt bằng sóng Radio - Đầu đốt có góc cong - Chiều dài làm việc $\leq 13\text{cm}$ - Tiêu chuẩn: FDA	Cái	5	
8.2	Bộ kim và kẹp thu chỉ	- Vật liệu: Nitinol, mẫu bằng PEEK phủ polymer - Tiêu chuẩn: FDA	Cái	5	
8.3	Vít chỉ khâu chớp xoay	- Vật liệu: Sinh học tự tiêu - Vít dạng ren xoắn, kèm 2 sợi chỉ siêu bền - Đường kính vít: $\geq 5.0\text{mm}$, Chiều dài vít: $\leq 17\text{mm}$. - Tiêu chuẩn: FDA	Cái	10	
8.4	Vít chỉ neo đôi	- Vật liệu: PEEK. - Đường kính $\geq 4.5\text{mm}$, chiều dài neo $\leq 1\text{mm}$ - Vít neo không cần thắt chỉ. - Tiêu chuẩn: FDA	Cái	10	
8.5	Trocal nhựa	- Đường kính trong: $\geq 5.5\text{mm}$ - Chiều dài: $\geq 50\text{mm}$ - Tiêu chuẩn: FDA	Cái	5	
8.6	Dây dẫn nước	- Dây dẫn nước sử dụng trong nội soi khớp - Chất liệu nhựa PVC - Tiêu chuẩn: FDA	Cái	5	
8.7	Lưỡi bảo	- Sử dụng cắt bỏ mô mềm, góc dây chằng, màng hoạt dịch, sụn chêm. - Kích thước: đường kính $\geq 3.5\text{mm}$ - Tiêu chuẩn: FDA	Cái	5	

ANG
N

g	Bộ nội soi khớp vai rách chóp xoay	Có trợ cụ hỗ trợ trong quá trình phẫu thuật	Bộ	7	
9.1.	Đầu đốt	- Đầu đốt dùng công nghệ cắt ở nhiệt độ thấp. - Chiều dài làm việc: $\geq 13\text{cm}$ - Đạt tiêu chuẩn: CE/MDR, FDA, 1 CFS Châu Âu	Cải	7	
9.2	Bộ kim và kẹp thu chỉ	- Có Kim, uốn cong sẵn chất liệu nitinol - Đạt tiêu chuẩn: CE/MDR, FDA	Cải	7	
9.3	Vít chỉ khâu chóm xoay	- Chất liệu: PEEK - OPTIMA - Kích thước neo: $\geq 4.5\text{mm}$ - Đường kính $\geq 5.5\text{ mm}$ - Đạt tiêu chuẩn: CE/MDR, FDA, 1 CFS Châu Âu	Cải	14	
9.4	Vít chỉ neo đôi	- Chất liệu tự tiêu: gồm poly-L-lactide và hydroxyapatite - Kèm hai hoặc ba sợi chỉ: chất liệu UHMW polyethylene - Đường kính $\geq 4.5\text{mm}$ - Đạt tiêu chuẩn chất lượng : CE/MDR, FDA, 1 CFS Châu Âu	Cải	14	
9.5	Troca nhựa	- Chất liệu: polycarbonate. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/MDR, FDA, 1 CFS Châu Âu	Cải	7	
9.6	Dây dẫn nước	- Chất liệu: nhựa - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: CE/MDR, FDA, 1 CFS Châu Âu	Cải	7	
9.7	Lưỡi bảo	- Chất liệu thép không gỉ. - Đường kính $\geq 2.0\text{mm}$ - Đạt tiêu chuẩn: CE/MDR, FDA, 1 CFS Châu Âu	Cải	7	



10	Bộ nội soi khớp vai rách chóp xoay	Có trợ cụ hỗ trợ trong quá trình phẫu thuật	Bộ	5	
10.1	Dây dẫn nước	- Chất liệu: nhựa PVC - Đóng gói tiết trùng - Tiêu chuẩn CE	Cái	5	
10.2	Lưới bảo	- Chất liệu : Thép không rỉ - Đường kính: ≥ 4.5 mm - Tiêu chuẩn CE	Cái	5	
10.3	Đầu đốt	- Chất liệu: nhựa - Đầu đốt sóng Radio - Kích cỡ: Có nhiều cỡ gấp góc - Tiêu chuẩn CE	Cái	5	
10.4	Bộ kim và kẹp thu chỉ	- Chất liệu: được làm bằng Nitinol. - Tương thích tất cả các công cụ - Tiêu chuẩn CE	Cái	5	
10.5	Vít chỉ khâu chóp xoay	- Chất liệu: PLDLA kèm chỉ siêu bền UHMWPE. - Kích cỡ: ≥ 5 mm - Tiêu chuẩn CE	Cái	10	
10.6	Vít chỉ neo đôi	- Chất liệu: PEEK kèm chỉ siêu bền - Đường kính ≥ 3.5mm - Tiêu chuẩn CE	Cái	10	

10.7	Troca nhựa	- Chất liệu: nhựa - Kích cỡ: nhiều kích cỡ - Tiêu chuẩn CE	Cải	5	
11	Bộ nội soi khớp vai khâu sụn viên	Có trợ cụ hỗ trợ trong quá trình phẫu thuật	Bộ	5	
11.1	Đầu đốt	- Lưới cắt đốt bằng sóng Radio - Đầu đốt có góc cong - Chiều dài làm việc $\leq 13\text{cm}$ - Tiêu chuẩn: FDA	Cải	5	
11.2	Cây dây chỉ	- Vật liệu: Nitinol, mẫu bằng PEEK phủ polymer - Tiêu chuẩn: FDA	Cải	5	
11.3	Vít chỉ neo	- Vật liệu PEEK - Kích thước: đường kính vít $\leq 2.5\text{mm}$, kèm 2 sợi chỉ siêu bền. - Tiêu chuẩn: FDA	Cải	10	
11.4	Trocal nhựa	- Kích thước: + Đường kính trong: $\geq 5.5\text{mm}$ - Chiều dài: $\geq 50\text{mm}$ - Tiêu chuẩn: FDA	Cải	5	
11.5	Dây dẫn nước	- Dây dẫn nước sử dụng trong nội soi khớp - Chất liệu nhựa PVC - Tiêu chuẩn: FDA	Cải	5	

11.6	Lưới bảo	- Sử dụng cắt bỏ mô mềm, gốc dây chằng, màng hoạt dịch, sụn chêm. - Kích thước: đường kính $\geq 3.5\text{mm}$ - Tiêu chuẩn: FDA	Cải	5	
12	Bộ nội soi khớp vai khâu sụn viên	Có trợ cụ hỗ trợ trong quá trình phẫu thuật	Bộ	5	
12.1	Đầu đốt	- Đầu đốt dùng công nghệ cắt ở nhiệt độ thấp. - Chiều dài làm việc: $\geq 13\text{cm}$ * Đạt tiêu chuẩn: CE/MDR, FDA, 1 CFS Châu Âu	Cải	5	
12.2	Cây dây chỉ	Gồm các loại đầu mũi thẳng, cong trái, phải, uốn lên trên $\geq 45^\circ$ Tiêu chuẩn chất lượng: CE/MDR, FDA, 1 CFS Châu Âu	Cải	5	
12.3	Vít chỉ neo	- Chất liệu: gồm poly-L-lactide và hydroxyapatite - Kèm hai sợi chỉ siêu bền: chất liệu UHMW polyethylene - Đường kính $\leq 3\text{ mm}$. Đường kính ngoài $\leq 4\text{ mm}$, dài $\geq 11\text{mm}$ - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/MDR, FDA, 1 CFS Châu Âu	Cải	10	
12.4	Troca nhựa	- Chất liệu: polycarbonate. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/MDR, FDA, 1 CFS Châu Âu	Cải	5	
12.5	Dây dẫn nước	- Chất liệu: nhựa - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: CE/MDR, FDA, 1 CFS Châu Âu	Cải	5	
12.6	Lưới bảo	- Chất liệu thép không gỉ. - Đường kính $\geq 2.0\text{mm}$ - Đạt tiêu chuẩn: CE/MDR, FDA, 1 CFS Châu Âu	Cải	5	

13	Bộ nội soi khớp vai khâu sụn viên	Có trợ cụ hỗ trợ trong quá trình phẫu thuật	Bộ	5	
13.1	Dây dẫn nước	- Chất liệu: nhựa PVC - Đóng gói tiệt trùng - Tiêu chuẩn CE	Cái	5	
13.2	Lưới bảo	- Chất liệu : Thép không rỉ - Đường kính: ≥4.5 mm - Tiêu chuẩn CE	Cái	5	
13.3	Đầu đốt	- Chất liệu: nhựa - Đầu đốt sóng Radio - Kích cỡ: Có nhiều cỡ gấp góc - Tiêu chuẩn CE	Cái	5	
13.4	Cây đẩy chỉ	- Chất liệu: được làm bằng Nitinol. - Tiêu chuẩn CE	Cái	5	
13.5	Vít chỉ neo	- Chất liệu: UHMWPE, kèm chỉ - Đường kính ≥3.0mm - Tiêu chuẩn CE	Cái	10	
13.6	Troca nhựa	- Chất liệu: nhựa - Kích cỡ: Các kích cỡ - Tiêu chuẩn CE	Cái	5	

14	Cắt sụn chêm	Có trợ cụ hỗ trợ trong quá trình phẫu thuật			30	
14.1	Dây dẫn nước	- Chất liệu: nhựa - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: CE/MDR, FDA, 1 CFS Châu Âu			30	
14.2	Lưới bảo	- Chất liệu thép không gỉ. - Đường kính $\geq 2.0\text{mm}$ - Đạt tiêu chuẩn: CE/MDR, FDA, 1 CFS Châu Âu			30	
14.3	Đầu đốt	- Đầu đốt dùng công nghệ cắt ở nhiệt độ thấp. - Chiều dài làm việc: $\geq 13\text{cm}$ - Đạt tiêu chuẩn: CE/MDR, FDA, 1 CFS Châu Âu			30	

115





(Ban hành kèm theo Thông báo số 123 /TB-BV ngày 10 tháng 03 năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam)

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam

Trên cơ sở Thông báo số ... /TB-BV ngày ... tháng ... năm ... của Bệnh viện....., chúng tôi ... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/ khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	..									
2	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ... ngày [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 120 ngày], kể từ ngày ... tháng ... năm ... [Ghi ngày ... tháng ... năm ... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục 1 – Thông báo chào giá]

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

..., ngày ... tháng ... năm ...

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp ⁽¹²⁾
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục” trong Bảng mô tả tại Phụ lục 1 – Thông báo chào giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục” trong Bảng mô tả tại Phụ lục 1 – Thông báo chào giá.
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Bảng mô tả tại Phụ lục 1 – Thông báo chào giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu. Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu vào báo giá.



PHỤ LỤC 3:
ĐÀ KHOA
Hàng 03 năm 2025 của B
PHIA BẮC
THU CHÀO GIÀ

Theo Thông báo chào giá số....., Công ty chúng tôi báo giá như sau:

Báo giá này có hiệu lực 120 ngày kể từ ngày Bệnh viện kết thúc nhận thư mời chào giá (22/3/2025)

..., ngày ... tháng ... năm ...
(Ký tên, đóng dấu)